

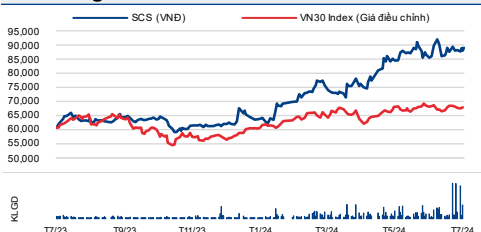
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ96,000
Tiềm năng tăng/giảm: 7.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (18/7/2024)	89,000
Mã Bloomberg	SCS VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	59,121-92,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	88,400
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	8,400
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	332
Slg CP lưu hành (tr.đv)	94.4
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	30.3
Slg CP NN được mua (tr.đv)	4.30
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	27.0%
Tỷ lệ freefloat	38.2%
Cổ đông lớn	Gemadep (35.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	705	983	1,135
EBITDA đc (tỷ đồng)	612	811	938
LNTT (tỷ đồng)	569	775	901
LNT ĐC (tỷ đồng)	463	629	670
FCF (tỷ đồng)	434	751	714
EPS ĐC (đồng)	4,537	6,288	6,730
DPS (đồng)	4,500	4,500	4,500
BVPS (đồng)	14,185	18,193	20,457
T.trưởng EBITDA (%)	(17.3)	32.5	15.6
T.trưởng EPS ĐC (%)	(24.6)	38.4	7.01
Tăng trưởng DPS (%)	(25.0)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	86.9	82.5	82.6
Tỷ suất LNTT (%)	80.7	78.8	79.4
Tỷ suất LNT ĐC (%)	70.7	68.8	63.5
Tỷ lệ LN trả CT (%)	91.7	66.3	61.9
Nợ thuần/VCSH (%)	(12.1)	(16.0)	(17.2)
ROAE (%)	35.9	44.2	39.5
ROACE (%)	40.9	50.5	49.2
EV/doanh thu (lần)	10.4	7.01	5.86
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.0	8.50	7.09
P/E ĐC (lần)	19.6	14.2	13.2
P/B (lần)	6.27	4.89	4.35
Lợi suất cổ tức (%)	5.06	5.06	5.06

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Được thành lập từ tháng 4/2008, nhà ga hàng hóa hàng không của SCS bắt đầu hoạt động từ tháng 10/2010. Hiện SCS là một trong hai nhà ga hàng hóa duy nhất tại sân bay Tân Sơn Nhất.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Lợi nhuận thuần Q2/2024 tăng mạnh 47% so với cùng kỳ, sát với dự báo

- SCS công bố KQKD Q2/2024 tích cực, với lợi nhuận thuần tăng mạnh 47% so với cùng kỳ lên 190 tỷ đồng trên doanh thu 264 tỷ đồng, tăng 53% so với cùng kỳ, sát với dự báo của HSC.
- Theo đó, lợi nhuận thuần nửa cuối năm 2024 đạt 337 tỷ đồng (tăng 39% so với cùng kỳ), bằng 50% dự báo cả năm 2024 của chúng tôi. Công ty ghi nhận KQKD tích cực nhờ nhu cầu phục hồi và có thêm khách hàng mới, Qatar Airways, từ tháng 2/2024.
- Cổ phiếu đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 13,6 lần, thấp hơn bình quân từ tháng 1/2019 ở mức 14,3 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với SCS và giữ nguyên giá mục tiêu 96.000đ (tiềm năng tăng giá 8%).

Sự kiện: Công bố BCTC Q2/2024

Ngày 18/7/2024, SCS công bố BCTC Q2/2024. Theo đó, lợi nhuận thuần và doanh thu thuần đạt lần lượt 190 tỷ đồng và 264 tỷ đồng, tăng 47% so với cùng kỳ (tăng 29% so với quý trước) và tăng 53% so với cùng kỳ (tăng 24% so với quý trước), sát với dự báo của chúng tôi.

Theo đó, lợi nhuận thuần và doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2024 tăng lần lượt 39% so với cùng kỳ và 43% so với cùng kỳ lên 337 tỷ đồng và 477 tỷ đồng. Với kết quả trên, SCS hoàn thành lần lượt 50% và 49% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi.

Sản lượng hàng hóa tăng nhờ nhu cầu phục hồi và khách hàng mới

Sản lượng hàng hóa tăng đáng kể nhờ nhu cầu phục hồi từ mức nền thấp của năm ngoái cũng như sự đóng góp của khách hàng mới là nguyên nhân chính dẫn đến KQKD tích cực trong Q2/2024.

- Tổng sản lượng hàng hóa trong Q2/2024 tăng 50% so với cùng kỳ và tăng 20% so với quý trước đạt 70.298 tấn. Trong đó, sản lượng hàng hóa quốc tế tăng mạnh 61% so với cùng kỳ (tăng 24% so với quý trước) đạt 53.005 tấn. Trong khi đó, sản lượng hàng hóa trong nước tăng mạnh 25% so với cùng kỳ (tăng 9% so với quý trước) đạt 17.293 tấn.
- Nhu cầu phục hồi từ mức nền thấp của năm ngoái khi ngành công nghiệp đang phục hồi mạnh dẫn đến sản lượng hàng hóa tăng mạnh. Theo số liệu thống kê của ACV (Mua vào, giá mục tiêu 138.000đ), sản lượng hàng hóa hàng không của Việt Nam trong Q2/2024 tăng 28% so với cùng kỳ đạt 377.000 tấn nhờ sản lượng hàng hóa quốc tế và trong nước tăng lần lượt 25% và 33%.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 19/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2024, SCS

Lợi nhuận thuần tăng 47% so với cùng kỳ nhờ sản lượng hàng hóa tăng mạnh

Tỷ đồng	Q2/23	Q2/24	So với cùng kỳ	Sv quý trước	6T2023	6T2024	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	172	264	53.2%	24.1%	334	477	42.6%
Lợi nhuận thuần	129	190	46.8%	28.8%	242	337	39.0%

Nguồn: SCS

- Đáng lưu ý, mức tăng trưởng về sản lượng hàng hóa của SCS cao hơn toàn ngành nhờ có sự đóng góp của khách hàng mới (Qatar Airways) từ tháng 2/2024. Qatar Airways là hãng hàng không có sản lượng hàng hóa quốc tế cao nhất tại Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất. Khách hàng mới này đã giúp sản lượng hàng hóa quốc tế của SCS tăng mạnh trong nửa đầu năm 2024.

Nhờ sản lượng hàng hóa tăng mạnh, doanh thu thuần Q2/2024 tăng 53% so với cùng kỳ (tăng 24% so với quý trước) lên 264 tỷ đồng. Theo đó, doanh thu thuần nửa đầu năm 2024 đạt 477 tỷ đồng và hoàn thành 49% dự báo doanh thu cho cả năm 2024 của chúng tôi ở mức 983 tỷ đồng, tăng trưởng 40%.

Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng nhờ công suất hoạt động cải thiện

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2024 cải thiện lên 80,6% từ mức 78,0% trong Q2/2023, nhờ công suất hoạt động tăng, được hỗ trợ tích cực từ doanh thu tăng. Kết quả trên giúp lợi nhuận gộp tăng 59% so với cùng kỳ đạt 213 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp trong nửa đầu năm 2024 ở mức 79,9%, cao hơn mức 76,9% trong nửa đầu năm 2023, với lợi nhuận gộp tăng 48% so với cùng kỳ lên 381 tỷ đồng.

Chi phí bán hàng & quản lý trong Q2/2024 được ghi nhận ở mức 13,4 tỷ đồng (tăng 18% so với cùng kỳ) và tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu giảm xuống 5,1% từ 6,6% cùng kỳ năm ngoái.

Doanh thu HĐ tài chính giảm xuống còn 14,4 tỷ đồng từ 25,2 tỷ đồng trong Q2/2023 do lãi suất thấp và các khoản đầu tư ngắn hạn. Đến cuối Q2/2024, giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn của SCS giảm xuống 797 tỷ đồng từ mức 899 tỷ đồng vào thời điểm cuối Q2/2023.

Nhìn chung, nhờ sản lượng hàng hóa tăng mạnh và tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện, lợi nhuận thuần trong Q2/2024 của SCS tăng mạnh 47% so với cùng kỳ và 29% so với quý trước lên 190 tỷ đồng. Theo đó, lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2024 đạt 337 tỷ đồng, tăng 39% so với cùng kỳ và hoàn thành 50% dự báo lợi nhuận thuần cho cả năm 2024 của chúng tôi ở mức 676 tỷ đồng, tăng trưởng 36%.

Duy trì khuyến nghị, dự báo lợi nhuận và giá mục tiêu

Do KQKD Q2/2024 tích cực và sát với dự báo, HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận. Dự báo năm 2024 của HSC cho thấy lợi nhuận thuần tăng trưởng 36% đạt 676 tỷ đồng. Cho năm 2025, chúng tôi dự báo lợi nhuận thuần tăng trưởng 7% đạt 722 tỷ đồng. Lợi nhuận năm 2025 được dự báo tăng trưởng 1 con số chủ yếu do thuế doanh nghiệp tăng lên mức 20% so với 10% trong năm 2024, trong khi đó chúng tôi dự báo LNTT năm 2025 vẫn sẽ tăng trưởng tốt ở mức 17%. Cho năm 2026, HSC dự báo lợi nhuận sẽ tăng trưởng 12% lên 808 tỷ đồng.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với SCS và giữ nguyên giá mục tiêu 96.000đ (tiềm năng tăng giá 8%). Cổ phiếu đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 13,7 lần, thấp hơn bình quân từ tháng 1/2019 ở mức 14,3 lần.

Bảng 2: Sản lượng hàng hóa trong Q2/2024, SCS

Tổng sản lượng hàng hóa tăng 50% so với cùng kỳ và tăng 20% so với quý trước trong Q2/2024

Nghìn tấn	Q2/23	Q2/24	So với cùng kỳ	% sv quý trước	6T2023	6T2024	So với cùng kỳ
Quốc tế	33	53	61%	24%	64	96	50%
Nội địa	14	17	25%	9%	27	33	24%
Tổng	47	70	50%	20%	90	129	43%

Nguồn: SCS

Bảng 3: Sản lượng hàng hóa qua đường hàng không, Việt Nam

Nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không cải thiện mạnh mẽ so với cùng kỳ từ mức nền thấp trong năm 2023

Nghìn tấn	Q2/23	Q2/24	So với cùng kỳ	% sv quý trước	6T2023	6T2024	So với cùng kỳ
Quốc tế	208	260	25%	10%	411	498	21%
Nội địa	87	116	33%	1%	170	231	36%
Tổng	295	377	28%	7%	580	729	26%

Nguồn: ACV

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	851	705	983	1,135	1,264
Lợi nhuận gộp	698	535	773	892	999
Chi phí BH&QL	(56.9)	(51.7)	(65.7)	(75.9)	(84.5)
Thu nhập khác	(3.14)	(2.40)	(3.35)	(3.87)	(4.31)
Chi phí khác	0.46	0.36	0.51	0.58	0.65
EBIT	697	569	775	901	1,009
Lãi vay thuần	58.2	87.0	70.6	87.9	97.5
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	697	569	775	901	1,009
Chi phí thuế TNDN	(50.5)	(70.3)	(98.8)	(180)	(202)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	646	498	676	721	807
Lợi nhuận thuần ĐC	601	463	629	670	750
EBITDA ĐC	740	612	811	938	1,045
EPS (đồng)	6,507	4,906	6,789	7,265	8,176
EPS ĐC (đồng)	6,025	4,537	6,288	6,730	7,577
DPS (đồng)	6,000	4,500	4,500	4,500	4,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	61.5	94.4	94.4	94.4	94.4
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	93.9	94.4	94.4	94.4	94.4
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	93.9	94.4	94.4	94.4	94.4

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	51.3	163	277	335	537
Đầu tư ngắn hạn	860	899	1,229	1,418	1,517
Phải thu khách hàng	85.3	96.2	129	152	168
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Các tài sản ngắn hạn khác	3.83	4.32	6.02	6.95	7.74
Tổng tài sản ngắn hạn	1,000	1,163	1,641	1,912	2,229
TSCĐ hữu hình	391	356	382	397	438
TSCĐ vô hình	0.59	0.28	(0.37)	(0.85)	(1.33)
Bất động sản đầu tư	78.7	77.5	70.6	63.7	56.8
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	85.0	107	132	146	158
Tổng tài sản dài hạn	555	540	584	605	651
Tổng cộng tài sản	1,556	1,703	2,225	2,517	2,880
Nợ ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán	3.55	12.1	16.9	19.5	21.8
Nợ ngắn hạn khác	96.9	319	445	514	572
Tổng nợ ngắn hạn	118	359	501	578	644
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	4.33	5.19	7.24	8.36	9.31
Tổng nợ dài hạn	4.33	5.19	7.24	8.36	9.31
Tổng nợ phải trả	122	364	508	586	653
Vốn chủ sở hữu	1,434	1,339	1,717	1,931	2,227
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,434	1,339	1,717	1,931	2,227
Tổng nợ phải trả và VCSH	1,556	1,703	2,225	2,517	2,880
BVPS (đ)	15,271	14,185	18,193	20,457	23,598
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(51.3)	(163)	(277)	(335)	(537)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	697	569	775	901	1,009
Khấu hao	(43.7)	(43.8)	(36.5)	(36.5)	(36.5)
Lãi vay thuần	58.2	87.0	70.6	87.9	97.5
Thuế TNDN đã nộp	(53.0)	(58.9)	(98.8)	(180)	(202)
Thay đổi vốn lưu động	(13.7)	14.1	71.2	33.8	32.7
Khác	(58.1)	(85.7)	1.70	0.93	0.79
LCT thuần từ HKKD	586	455	759	766	850
Đầu tư TS dài hạn	(34.3)	(21.6)	(7.38)	(51.5)	(78.0)
Góp vốn & đầu tư	(1,604)	(1,444)	(178)	(197)	(110)
Thanh lý	1,434	1,405	0	0	0
Khác	51.1	70.8	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(153)	10.3	(185)	(248)	(188)
Cổ tức trả cho CSH	(439)	(367)	(460)	(460)	(460)
Thu từ phát hành CP	0	13.0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	0	0	0	0	0
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(439)	(354)	(460)	(460)	(460)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	57.9	51.3	163	277	335
LCT thuần trong kỳ	(6.37)	112	114	57.6	202
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.21)	(0.30)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	51.3	163	277	335	537
Dòng tiền tự do	551	434	751	714	772

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	82.0	75.9	78.6	78.6	79.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	87.0	86.9	82.5	82.6	82.7
Tỷ suất LNT (%)	75.9	70.7	68.8	63.5	63.8
Thuế TNDN hiện hành (%)	7.24	12.4	12.7	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	1.42	(17.2)	39.5	15.4	11.4
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	12.2	(17.3)	32.5	15.6	11.5
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	14.6	(22.9)	35.7	6.64	11.9
Tăng trưởng EPS (%)	(37.6)	(24.6)	38.4	7.01	12.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(37.5)	(24.7)	38.6	7.03	12.6
Tăng trưởng DPS (%)	100	(25.0)	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	92.2	91.7	66.3	61.9	55.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	48.2	35.9	44.2	39.5	38.8
ROACE (%)	51.8	40.9	50.5	49.2	48.3
Vòng quay tài sản (lần)	0.57	0.43	0.50	0.48	0.47
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.84	0.80	0.98	0.85	0.84
Số ngày tồn kho	0	0	0	0	0
Số ngày phải thu	203	207	224	229	231
Số ngày phải trả	8.47	26.1	29.4	29.4	30.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(3.38)	(12.1)	(16.0)	(17.2)	(24.0)
Nợ/tài sản (%)	0.18	0.08	0.08	0.08	0.08
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chỉ số TT hiện thời (lần)	8.51	3.24	3.28	3.31	3.46
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	8.75	10.4	7.01	5.86	5.02
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.1	12.0	8.50	7.09	6.07
P/E (lần)	13.7	18.1	13.1	12.3	10.9
P/E ĐC (lần)	14.8	19.6	14.2	13.2	11.7
P/B (lần)	5.83	6.27	4.89	4.35	3.77
Lợi suất cổ tức (%)	6.74	5.06	5.06	5.06	5.06

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn